

BYD

BYD SEALION 6 XUYÊN ĐÔ THỊ 1.200+ KM KHÔNG LO TRẠM SẠC



1.200+ Km

Tuỳ thuộc điều kiện sử dụng và
kỹ năng của người lái xe

1,1L/100 Km

Mức tiêu hao nhiên liệu
trong 100 Km đầu tiên

100 Km

Chế độ EV
SOC còn 25%

MÀU NGOẠI THẤT



Urban Grey



Arctic White



Black + Brown



Cosmos Black

MÀU NỘI THẤT

KÍCH THƯỚC



1.670mm (height)

Thiết kế Ocean X



Nội thất sang trọng, công thái học



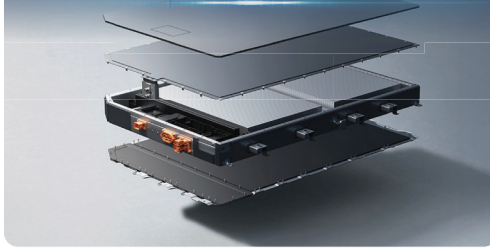
Công nghệ BYD DM-i Super Hybrid



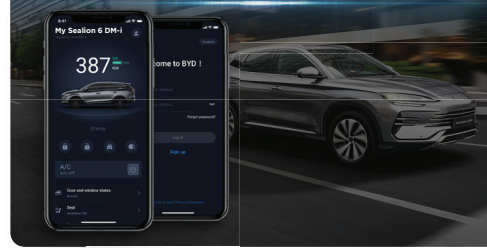
Hệ thống giải trí thông minh



BYD Blade Battery



BYD App



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

KÍCH THƯỚC	Dynamic	Premium	HỆ THỐNG AN TOÀN & CẢNH BÁO	Dynamic	Premium	TRANG BỊ NỘI THẤT	Dynamic	Premium
Chiều dài tổng thể (mm)		4.775	Túi khí phía trước (dành cho người lái và hành khách)	●	●	Vô-lăng tích hợp các phím điều khiển đa chức năng âm thanh, điện thoại, ACC và camera 360 độ	●	●
Chiều rộng tổng thể (mm)		1.890	Túi khí bên hông (dành cho người lái và hành khách)	●	●	Vô lăng bọc da	●	●
Chiều cao tổng thể (mm)		1.670	Túi khí rèm cửa (trước & sau)	●	●	Gương chiếu hậu trung tâm chống chói thủ công	●	—
Vết bánh xe - trước/sau (mm)		1.630/1.630	Dây đai an toàn giới hạn lực căng phía trước	●	●	Gương chiếu hậu trung tâm chống chói tự động	—	●
Chiều dài cơ sở (mm)		2.765	Dây đai an toàn giới hạn lực căng phía sau	●	●	Màn hình hiển thị thông tin lái 12,3 inch	●	●
Bán kính quay vòng tối thiểu (m)		5,5	Cảnh báo cài dây an toàn - trước & sau	●	●	Hộc chứa kính mắt	●	●
Dung tích cốp sau (L)		425	Camera 360°	●	●	Ghế ngồi bọc da sinh học	●	●
Trọng lượng xe không tải (Kg)		1.830	Cảm biến đỗ xe phía trước (2 cảm biến)	●	●	Ghế lái chỉnh điện 6 hướng	●	—
Trọng lượng xe toàn tải (Kg)		2.240	Cảm biến đỗ xe phía sau (4 cảm biến)	●	●	Ghế lái chỉnh điện 8 hướng	—	●
Khoảng sáng gầm xe - không tải (mm)		173	Điểm kết nối ghế an toàn trẻ em ISOFIX	●	●	Ghế hành khách phía trước chỉnh điện 4 hướng	●	●
HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG			Khóa an toàn trẻ em	●	●	Thông gió hàng ghế trước	—	●
Dẫn động		Dẫn động cầu trước	Hệ thống kiểm soát áp suất lốp (TPMS)	●	●	Tựa đầu hàng ghế sau có thể điều chỉnh	●	●
Loại motor điện trực trước		Motor đồng bộ nam châm vĩnh cửu	Hệ thống trợ lực phanh thông minh	●	●	Hàng ghế sau có thể điều chỉnh độ ngả lưng	●	●
Công suất tối đa của motor điện (kW)		145	Hệ thống tăng cường phanh thủy lực (HBB)	●	●	Bảng điều khiển có học giữ cốc	●	●
Mô-men xoắn cực đại của motor điện (Nm)		300	Hệ thống hỗ trợ phanh thủy lực (HBA)	●	●	Tựa tay hàng ghế sau có học giữ cốc	●	●
Loại động cơ xăng		Động cơ plug-in hybrid Xiaoyun 1.5L hiệu suất cao	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	●	●	Nẹp trang trí bước chân bằng inox (4 cửa)	—	●
Công suất tối đa của động cơ xăng (kW)		72	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HHC)	●	●	Tấm che nắng phía trước có gương trang điểm và đèn chiếu sáng	●	●
Mô-men xoắn cực đại của động cơ xăng (Nm)		122	Hệ thống giữ phanh tự động	●	●	HỆ THỐNG GIẢI TRÍ		
Công suất kết hợp tối đa (Hp)		214 Hp (160 kW)	Hệ thống kiểm soát hành trình	●	—	FM Radio	●	●
Mô-men xoắn cực đại (Nm)		300	Hệ thống kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)	—	●	Apple CarPlay* (không dây + có dây) và Android Auto™	●	●
Dung tích bình xăng (L)		60	Hệ thống phanh khẩn cấp tự động (AEB)	—	●	Kết nối điện thoại Bluetooth* & truyền phát âm thanh (*)	●	●
Mức tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp - 100 Km đầu		1,1L / 100 Km	Hệ thống cảnh báo lệch làn (LDW)	—	●	Màn hình cảm ứng xoay thông minh 12,8 inch	●	—
Mức tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp trung bình		3,5L - 4,8L / 100 Km (*)	Hệ thống ngăn ngừa lệch làn (LDP)	—	●	Màn hình cảm ứng xoay thông minh 15,6 inch	—	●
HIỆU SUẤT			Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường khẩn cấp (ELK)	—	●	Hệ thống âm thanh 9 loa	—	—
Thời gian tăng tốc 0-100 km/h (s)		8,3	Hệ thống cảnh báo va chạm phía trước (FCW)	—	●	Hệ thống âm thanh Infinity*, 10 loa	—	●
Quãng đường di chuyển thuần điện - NEDC (Km)		100	Hệ thống kiểm soát hành trình thông minh (ICC)	—	●	Trợ lý giọng nói - tiếng Anh & tiếng Việt	●	●
Tiêu chuẩn Euro 6b, SOC 25%			Hệ thống cảnh báo va chạm phía sau (RCW)	—	●	1 x USB-C & 1 x USB-A, phía trước	●	●
Số chỗ ngồi		5	Hệ thống nhận diện biển báo giao thông (TSR)	—	●	1 x USB-C & 1 x USB-A, phía sau	●	●
Loại Pin		BYD Blade Battery	Hệ thống hiển thị tốc độ giới hạn thông minh (ISLI)	—	●	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG		
Dung lượng Pin (kWh)		18,3	Hệ thống kiểm soát tốc độ giới hạn thông minh (ISLC)	—	●	Đèn pha LED	●	●
HỆ THỐNG KHUNG GẮM			Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	—	●	Nút điều chỉnh độ cao đèn pha chiếu sáng thủ công	●	●
Hệ thống treo phía trước		MacPherson	Hệ thống hỗ trợ phanh tự động khi lùi (RCTB)	—	●	Chế độ đèn chờ dẫn đường	●	●
Hệ thống treo phía sau		Độc lập - Đa liên kết	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSD)	—	●	Đèn định vị LED ban ngày	●	●
Phanh đĩa phía trước		Thông gió	Hệ thống cảnh báo mở cửa (DOW)	—	●	Đèn hậu LED	●	●
Phanh đĩa phía sau		Không thông gió	Hệ thống hỗ trợ đèn pha tự động chống chói (HMA)	—	●	Đèn sương mù phía sau	●	●
Kẹp phanh trước		Cố định	TRANG BỊ NGOẠI THẤT			Đèn báo rẽ LED dạng tuần tự	●	●
Mâm xe		Hợp kim nhôm	Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	●	●	Đèn phanh trên cao LED	●	●
Kích cỡ mâm		235/50 R19	Thanh giá nóc	●	●	Đèn chiếu sáng gần dưới gương chiếu hậu	●	●
Chế độ lái		ECO/Normal/Sport/Snow	Cốp sau đóng/mở một chạm	●	●	Đèn viền nội thất RGB phát sáng theo nhạc	—	●
HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG			Cảm biến gạt mưa	—	●	Đèn LED đọc sách phía trước	●	●
Cổng sạc AC - Type 2 (6.6 kW)		●	Gạt mưa phía sau	●	●	Đèn LED đọc sách phía sau	●	●
Bộ sạc cắm tay 2.2 kW		●	Gương chiếu hậu chỉnh điện và sấy gương	●	●	Đèn chiếu sáng khu vực để chân phía trước	●	●
Cổng sạc DC - CCS 2 (18 kW)		●	Gương chiếu hậu gập điện	●	●	Đèn khoang hành lý	●	●
Chức năng cấp nguồn điện AC (V2L - Vehicle to Load)		●	Đèn chiếu sáng gần dưới gương chiếu hậu	●	●	TRANG BỊ TIỆN NGHI		
Bộ cấp nguồn điện AC kèm theo xe (V2L - Vehicle to Load)		●	4 cửa sổ tự động & chống kẹt	●	●	Hệ thống khóa, khởi động xe thông minh & để nổ từ xa	●	●
Phanh tái sinh		●	Cửa kính trước 2 lớp cách âm	●	●	Mở khóa bằng thẻ NFC	●	●
			Cửa kính ghế sau, kính hậu & kính cửa sổ trời tối màu	●	●	Mở khóa bằng BYD App	●	●
			Kính chắn gió sau có sấy điện	●	●	Bộ sạc điện thoại không dây × 2 (15W)	●	●
						Ổ cắm phụ kiện 12V	●	●
						Hệ thống lọc bụi mịn PM2.5	●	●
						Điều hòa tự động 2 vùng độc lập	●	●
						Cửa gió trung tâm phía sau	●	●
						Bộ và lốp	●	●

*LƯU Ý: "—" là "không có sẵn", "●" là "có sẵn", "○" là "tùy chọn"

*GIẢI THÍCH:

- Thông số kỹ thuật phía trên dành cho phương tiện tiêu chuẩn, tùy thuộc vào yêu cầu và quy định tại từng khu vực. Thông số kỹ thuật được cập nhật vào tháng 04/2025.
- Phạm vi di chuyển thực tế bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như cách điều khiển xe, tải trọng, điều kiện giao thông... Phạm vi di chuyển công bố chỉ mang tính chất tham khảo.
- Màu sắc được mô tả chỉ mang tính chất tham khảo và có thể khác với màu thực tế do quá trình in ấn.
- Hệ thống hỗ trợ lái xe không thay thế trách nhiệm của người lái đối với phương tiện.
- BYD có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và tính năng tiêu chuẩn của phương tiện so với bảng thông số này mà không cần báo trước.

CÔNG TY TNHH Ô TÔ BYD (VIỆT NAM)

facebook.com/VietnamBYDAuto/ tiktok.com/@byd.vietnam
www.byd.com/vn info.autovn@byd.com

